

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-ST
Ngày : 13 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Ngọc Sơn

Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khỏe

2. Bà Trần Thị Lan

3. Ông Đỗ Thanh Đoàn

Thư ký phiên toà:

1. Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án

2. Bà Ngô Thị Kim Quyên, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Ông Trần Văn Hiền, Kiểm sát viên

2. Ông Nguyễn Văn Chúc, Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Thanh T, sinh năm: 1964; Trú quán: Khóm 2, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 2/12; con ông Hà Văn Hoán (đã chết) và bà Lương Thị Còn (đã chết); có vợ Trần Thị Mỹ Dung, sinh năm: 1964; có 02 người con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993.

- Tiền án, tiền sự: Chưa;

- Bị tạm giam từ ngày 05/4/2017 cho đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa:*

Ông Võ Quang Thuận và ông Phan Thanh Sơn, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo (Có mặt)

** Nguyên đơn dân sự:*

1. Ngân hàng A

Đại diện theo pháp luật: Ông Trinh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank

Trụ sở: Số 02 L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho ông Phan Hữu H - Chức vụ: Giám đốc A - Chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Địa chỉ Chi nhánh: số 63, đường Đ, thị trấn Tr, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Ông Phan Hữu H ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm: 1974 (Có mặt)

Chức vụ: Phó Giám đốc A - chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền số 05/NHN_o-HCNS ngày 30/5/2017 của Giám đốc A - Chi nhánh huyện Tri Tôn - An Giang).

2. Ngân hàng P

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng V, quận Hoàn K, Hà Nội

Ủy quyền cho ông Trần Bửu L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Long Xuyên, tỉnh An Giang

Địa chỉ Chi nhánh: số 272 Lý Thái T2, phường M, thành phố Long X, tỉnh An Giang

Ông Trần Bửu L ủy quyền cho ông Nguyễn Huỳnh P1 (Có mặt)

Chức vụ: Chuyên viên Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng trực thuộc Ngân hàng P - Chi nhánh Long Xuyên (Theo giấy ủy quyền số 1128/GUQ-BIDV.LX ngày 01/11/2017 của Giám đốc Ngân hàng P chi nhánh Long Xuyên)

3. Ngân hàng N

Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở: số 198 Trần Quang Kh, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội

Ủy quyền cho ông Tô Ngọc A2 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Châu Đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ Chi nhánh: 55 Lê L, phường Châu Ph B, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

(Theo văn bản giấy ủy quyền số 95/UQ-VCB-PC ngày 23/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N).

3. Quỹ tín dụng Mỹ H

Đại diện theo pháp luật: Ông Văn Công T4 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng Mỹ H

Ủy quyền cho ông Ngô Phước H, Chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng Mỹ H (Có mặt)

Trụ sở: số 304/3 đường Hà Hoàng H2, phường Mỹ X, thành phố Long X, tỉnh An Giang

* *Người bị hại:* Ông Trần Thanh T2, sinh năm: 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 50 đường Nguyễn Trãi, khóm 2, phường Mỹ L, thành phố Long X, tỉnh An Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1964 (Có mặt)
2. Ông Hà Châu H3, sinh năm: 1990 (Có mặt)
3. Bà Hà Thị Diễm Th, sinh năm: 1993 (Có mặt)
4. Ông Hồ Hoàng T5, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh An Giang.

5. Ông Trịnh Quang Phi S, sinh năm: 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Bình Khánh 4, phường Bình Kh, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

6. Ông Nguyễn Viết T6, sinh năm: 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 85/2 đường Lê Văn Nhung, khóm Bình Long 3, phường Mỹ B, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

7. Ông Hà Phước L, sinh năm: 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 108 đường Hoàng Diệu, khóm Châu Thới 3, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

8. Ông Huỳnh Quốc T7, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh An Giang.

9. Ông Võ Dương Vũ Ng, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường Cẩm Bá Thước, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

10. Ông Trần Văn L, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Xuân H, thị trấn Tịnh B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

11. Ông Lý Đăng Ng 1, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 44B đường Tôn Thất Thuyết, phường B 2, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

12. Bà Cao Thị Hồng C , sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số 595B/30 khóm Bình Thới 2, phường Bình Kh, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

Bà C ủy quyền cho ông Huỳnh Thừa C 2, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Q, thành phố Long X, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền lập ngày 16/7/2018)

13. Bà Nguyễn Thị Việt H, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 658C, tổ 33 đường Tôn Thất Th, phường Bình Kh, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

14. Ông Nguyễn Công Tr, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khánh Ch, xã Khánh H, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang

15. Ông Bùi Xuân Q, sinh năm: 1954 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khóm Bình Đức 5, phường Bình Đ, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

16. Ông Trần Văn H5, sinh năm: 1977 (Đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài và kinh doanh vận tải, Hà Thanh T quen biết và cùng Trần Văn H5 (ngụ ấp An Nhơn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) đến khu vực Bến xe Miền Tây, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ H5 thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giấy đăng ký xe ô tô, thủ tục công chứng, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất giả mang tên Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D (vợ của T), Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th, Hồ Hoàng T5 (con ruột và con rể của T) để T sử dụng thế chấp vay tiền chiếm

đoạt. Từ năm 2015 đến giữa năm 2016, T đã thuê các đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương làm giả 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 01 giấy đăng ký xe ô tô loại 16 chỗ và các thủ tục công chứng, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên T, D, H3, Th, T5 để T gian dối thế chấp vay tiền chiếm đoạt của các ngân hàng, quỹ tín dụng và cá nhân như sau:

- Tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín Việt Nam (Sacombank) Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch Châu Thành:

Ngày 26/02/2015, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th số BX 779035 diện tích 26.722,5 m²; số BX 779034 diện tích 27.878,4 m², thế chấp vay 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số LD1505700171 ngày 26/02/2015 và ngày 27/02/2015 do T, Th và T5 nhận tiền vay. Khoản vay này, T đã tắt toán ngày 14/7/2016 và đem 02 GCN QSDĐ giả hủy bỏ.

- Tại Ngân hàng P - Chi nhánh Long Xuyên - Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng:

Lần thứ nhất: Ngày 19/8/2015, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th, số BO 425567 diện tích 27.318 m²; số BX 779469 diện tích 30.117 m², thế chấp vay 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01/2015/0054145076 ngày 19/8/2015, thời hạn 60 tháng. Sau khi vay, T trả vốn được 200.400.000 đồng, chiếm đoạt 799.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 07/10/2015, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D số BX 425642 diện tích 27.011 m²; số BX 425643 diện tích 30.032 m², thế chấp vay 900.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01/2015/7924439 ngày 07/10/2015, thời hạn 60 tháng. Hợp đồng này, T trả vốn được 150.000.000 đồng, chiếm đoạt 750.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 28/3/2016, T sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D số BO 275771 diện tích 27.138 m² thế chấp vay 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 03/2016/7924439 ngày 28/3/2016, thời hạn 11 tháng. Sau khi vay tiền, T đã trả vốn được 310.000.000 đồng, chiếm đoạt 340.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 11/8/2016, T sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hà Châu H3 số BR 362691 diện tích 85,0 m² thế chấp vay tiền, chiếm đoạt 250.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01/2016/8830360 ngày 11/8/2016, thời hạn 11 tháng.

- Tại Ngân hàng N - Chi nhánh Châu Đốc:

Lần thứ nhất: Ngày 19/01/2016, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hà Châu H3 số BX 729690 diện tích 26.123 m²; số BX 722877 diện tích 29.878,3 m² thế chấp vay 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 69/2016/VCB.CĐ-HM và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 42/2016/VCB.CĐ ngày 19/01/2016, thời hạn 12 tháng. Sau khi vay, T trả vốn được 9.000.000 đồng, chiếm đoạt 991.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 26/01/2016, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D số BO 725632 diện tích 27.011 m²; số BO 725633 diện tích 30.032 m², thế chấp vay 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 104/2016/VCB.CĐ-HM và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 66/2016/VCB.CĐ ngày 26/01/2016, thời hạn 12 tháng. Sau khi vay, T đã trả vốn được 9.000.000 đồng, chiếm đoạt 991.000.000 đồng.

- Tại Ngân hàng A - Chi nhánh Tri Tôn:

Lần thứ nhất: Ngày 12/7/2016, T sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th số BO 540862 diện tích 25.436 m², thế chấp vay 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 65 ngày 12/7/2016, thời hạn 60 tháng. Khoản vay này, T đã tắt toán ngày 30/8/2016.

Lần thứ hai: Ngày 21/7/2016, T sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th số BX 024128 diện tích 27.298 m², thế chấp vay, chiếm đoạt số tiền 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 69 ngày 21/7/2016, thời hạn 60 tháng.

- Tại Quỹ tín dụng Mỹ H - Phòng giao dịch Vĩnh Bình:

Ngày 21/01/2016, T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tên Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th số BX 285963 diện tích 29.713 m²; số BX 265796 diện tích 28.336 m², thế chấp vay, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Hợp

đồng thể chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 164081012 ngày 21/01/2016, thời hạn 12 tháng.

- Ngoài ra, khoảng tháng 01/2016, T sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 67B-009.20 nhờ Lê Văn Thành giới thiệu T thế chấp vay của Trần Thanh T2 số tiền 250.000.000 đồng, có làm biên nhận. Khoảng tháng 02/2016, T trả vốn 150.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 100.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2017, biết tin T bị bắt giam, T2 kiểm tra thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên là giả nên làm đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 26/02/2015 đến ngày 11/8/2016, Hà Thanh T đã 11 lần thực hiện hành vi gian dối vay tiền của các Ngân hàng, Quỹ tín dụng và vay tiền của Trần Thanh T2 tổng cộng 8.800.000.000 đồng, đã trả vốn 3.328.400.000 đồng, còn chiếm đoạt 5.471.600.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Long Xuyên - Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng 2.139.600.000 đồng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Châu Đốc 1.982.000.000 đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tri Tôn 650.000.000 đồng; Quỹ tín dụng Mỹ H - Phòng giao dịch Vĩnh Bình 600.000.000 đồng và Trần Thanh T2 100.000.000 đồng. Các bị hại, nguyên đơn dân sự làm đơn tố giác, ngày 04/4/2017, T bị khởi tố điều tra.

* Kết luận giám định số 353/KLGT-PC54 ngày 22/9/2016, số 219/KLGT-PC54 ngày 23/6/2017, số 332/KLGT-PC54 ngày 28/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- 06 (sáu) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” có các số: BX 729690, BX 722877, BO 725632, BO 725633, BO 540862, BX 024128 (ký hiệu A1 - A6) *là giấy giả*.

- Hình dấu có nội dung: “Văn phòng Đăng ký Đất đai Chi nhánh Tri Tôn” trên 06 (sáu) “Trang bổ sung giấy chứng nhận” có các số phát hành GCN: BX 729690, BX 722877, BO 725632, BO 725633, BO 540862, BX 024128 (ký hiệu A7 - A12) so với hình dấu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4 - M9) *không phải do cùng một con dấu đóng ra*.

- Chữ ký mang tên Lê Thanh Hùng và Tăng Kim Phụng trên 06 (sáu) “Trang bổ sung giấy chứng nhận” có các số phát hành GCN: BX 729690, BX 722877, BO 725632, BO 725633, BO 540862, BX 024128 (ký hiệu A7 - A12) so với chữ ký của Lê Thanh Hùng và Tăng Kim Phụng trên các mẫu so sánh (ký hiệu: M4 - M9) *không phải do cùng người ký ra*.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 006660; tên chủ xe: Hà Thị Diễm Th; cấp ngày 04/12/2015; nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh An Giang (ký hiệu TLCGD: A1) *là giấy giả*.

- 06 (sáu) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giám định ký hiệu: A1 - A6 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

- Hình dấu tròn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1 so với hình dấu tròn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M1, M2 và M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A2 – A5, A10 và A23 so với hình dấu tròn Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M6 - M8 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1, A6, A26 và A52 so với hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M9 - M14 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn Văn phòng công chứng Tri Tôn; dấu tên “Đỗ Kiến Trúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A50 - A51 so với hình dấu tròn Văn phòng công chứng Tri Tôn; dấu tên “Đỗ Kiến Trúc” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M15 - M16 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Đỗ Kiến Trúc trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A50 - A51 so với chữ ký mang tên Đỗ Kiến Trúc trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M15 - M16 không cùng một người ký ra.

- Dấu tên “Trần Đăng Đức” trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1 so với dấu tên “Trần Đăng Đức” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M1, M2, M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Trần Đăng Đức trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1 so với chữ ký mang tên Trần Đăng Đức trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M1, M2, M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Phan Thanh Lợi trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A2 - A5, A10 và A23 so với chữ ký mang tên Phan Thanh Lợi trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M6 - M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Dấu tên “Lê Thanh Hùng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A6 và A26 so với dấu tên “Lê Thanh Hùng” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M9 - M11 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Lê Thanh Hùng trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A6 và A26 so với chữ ký mang tên Lê Thanh Hùng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M9 - M11 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Tăng Kim Phụng trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1 và A52 so với chữ ký mang tên Tăng Kim Phụng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M12 - M14 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Hồ Hoàng T5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A7 - A10 so với chữ ký và chữ viết mang tên Hồ Hoàng T5 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M17 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Hà Thị Diễm Th trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A7 - A17 so với chữ ký và chữ viết mang tên Hà Thị Diễm Th trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M18 - M19 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị Mỹ D trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A18 - A26 so với chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị Mỹ D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M20 - M22 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Hà Châu H3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A47 - A56 so với chữ ký và chữ viết mang tên Hà Châu H3 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M23 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Hà Thanh T trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A18 - A46 so với chữ ký và chữ viết mang tên Hà Thanh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: M24 - M29 do cùng một người ký và viết ra.

* Kết luận giám định số 99/KLGT-PC54 ngày 31/3/2017, số 283/KLGT-PC54 ngày 25/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- 02 (hai) phiôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” có các số: BX265796, BX 285963 (ký hiệu A1 - A2) là phiôi giấy giả.

- Hình dấu tròn có nội dung: “Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” trên 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (ký hiệu: A1 - A2) so với hình dấu tròn trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 - M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Đỗ Minh Trí trên 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (ký hiệu: A1 - A2) so với chữ ký của Đỗ Minh Trí trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 - M3) không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tên Đỗ Minh Trí trên 02 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (ký hiệu: A1 - A2) so với hình dấu tên Đỗ Minh Trí trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 - M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Tri Tôn” trên 02 (hai) “Trang bổ sung giấy chứng nhận” (ký hiệu: A3 - A4) so với

hình dấu tròn trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4 - M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký và hình dấu mang tên Lê Thanh Hùng trên 02 (hai) “Trang bổ sung giấy chứng nhận” (ký hiệu: A3 – A4) so với chữ ký và hình dấu của Lê Thanh Hùng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4 – M6) không phải do cùng một người ký ra và không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Phôi giấy cần giám định, ký hiệu: A1 - A14 so với phôi giấy mẫu so sánh, ký hiệu: M1 - M9 không phải do cùng một bản in in ra.

- Hình dấu tròn “Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M1- M9 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn “Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M1 - M5 không phải do cùng một phương pháp in in ra.

- Hình dấu tròn “Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M6 - M9 do cùng một phương pháp in in ra.

- Chữ ký mang tên Đỗ Minh Trí trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với chữ ký mang tên Đỗ Minh Trí trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M2 - M9 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M2 - M9 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M2 - M5 không phải do cùng một phương pháp in in ra.

- Hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu: A2 - A14 so với hình dấu tên “Đỗ Minh Trí” trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu: M6 - M9 do cùng một phương pháp in in ra.

* Kết luận giám định số 296/KLGT-PC54 ngày 25/7/2017, số 298/KLGT-PC54 ngày 01/8/2017, số 299/KLGT-PC54 ngày 11/8/2017, số 297/KLGT-PC54 ngày 04/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Chữ ký và chữ viết mang tên Hà Thanh T trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1 - A4) so với chữ ký và chữ viết của Hà Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 - M6) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Hồ Hoàng T5 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1 – A6) so với chữ ký và chữ viết của Hồ Hoàng T5 trên “Biên bản V/v thu

mẫu phục vụ giám định” ngày 08/7/2017 (ký hiệu: M1) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Hà Thị Diễm Th trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A3 – A13) so với chữ ký và chữ viết của Hà Thị Diễm Th trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2 - M3) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Hồ Hoàng T5 và Hà Thị Diễm Th trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1 – A6) so với chữ ký và chữ viết của Hồ Hoàng T5 và Hà Thị Diễm Th trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 – M3) do cùng một người ký và viết ra.

- Hình dấu tròn có nội dung: “Văn phòng công chứng Tri Tôn” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A6 – A8) so với hình dấu tròn của Văn phòng công chứng Tri Tôn trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4 – M5) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tên Đỗ Kiến Trúc trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A7 – A8) so với hình dấu tên Đỗ Kiến Trúc trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M4 – M5) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Đỗ Kiến Trúc trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A5 – A8) so với chữ ký và chữ viết của Đỗ Kiến Trúc trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2 - M3) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Hà Thanh T trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1 – A3) so với chữ ký và chữ viết của Hà Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 – M6) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Mỹ D trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2 – A3) so với chữ ký và chữ viết của Trần Thị Mỹ D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M7 – M9) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký và chữ viết tên Hà Châu H3 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu: A4 – A6) so với chữ ký và chữ viết của Hà Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 – M6) do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSAG-P3 ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Hà Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Thanh T đã thừa nhận một phần hành vi phạm tội, bị cáo khai nhận: Do cần tiền mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải cơ sở thuê xe Thúy Diễm (giấy phép kinh doanh tên T Nhung) nên từ năm 2015 đến giữa năm 2016, bị cáo đã thuê Trần Văn Hải làm giả 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá trọn gói 50.000.000 đồng/giấy và 01 giấy đăng ký xe ô tô loại 16 chỗ ngồi với

giá 7.000.000 đồng, sau đó H5 làm các thủ tục công chứng, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất giả mang tên Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D (vợ của T), Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th, Hồ Hoàng T5 (con ruột và con rể của T). Sau khi có các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả thì bị cáo liên hệ đến ngân hàng, quỹ tín dụng và cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang để thế chấp vay với tổng số tiền 8.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, do việc làm ăn thua lỗ nên mới chỉ trả vốn được 3.328.400.000 đồng, còn lại 5.471.600.000 đồng bị cáo không còn khả năng thanh toán.

Ngoài ra, bị cáo còn cho biết: việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và giấy đăng ký xe ô tô chỉ có mình bị cáo và H5 biết, bị cáo không bàn bạc với bất kỳ ai, số tiền vay được bị cáo là người trực tiếp nhận và sử dụng; vợ và các con bị cáo hoàn toàn không biết, khi đi vay bà D, H3, Th và T5 chỉ nghe và thực hiện theo lời của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của các nguyên đơn dân sự, bị hại trong giai đoạn điều tra và tại tòa: thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và không có bổ sung ý kiến gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (vợ, con ruột và con rể của T) cho biết: Năm 2015 – 2016, có đứng tên vay tiền cho T tại ngân hàng và quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh An Giang rồi đưa cho T để làm vốn kinh doanh vận tải. Khi vay, không biết việc T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L (nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Châu Thành), Trịnh Quang Phi S (nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Xuyên – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng), Nguyễn Viết T6 (Cán bộ tín dụng Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Long Xuyên – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng), Hà Phước L (cán bộ tín dụng Ngân hàng Vietcombank – chi nhánh Châu Đốc), Huỳnh Quốc T5 (cán bộ tín dụng Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Tri Tôn, tỉnh An Giang), Võ Dương Vũ Ng (cán bộ tín dụng Quỹ tín dụng Mỹ H – Phòng giao dịch Vĩnh Bình) cho biết: Việc tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định và quyết định cho vay đối với các hồ sơ tín dụng của Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th, Hồ Hoàng T5, được thực hiện đúng, đầy đủ quy định về Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức Ngân hàng, Quỹ tín dụng nơi T, D, H3, Th, T5 hợp đồng vay tiền. Đồng thời, việc bị cáo T sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giấy đăng ký xe ô tô, thủ tục công chứng, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất giả để hợp đồng vay tiền hoàn toàn không biết và không nhận tiền bồi dưỡng khi làm các hồ sơ vay cho T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các công chứng viên: Lý Đăng Ng 1, Cao Thị Hồng C , Nguyễn Thị Việt H, Nguyễn Công Tr, Bùi Xuân Quang, cho biết: Việc tiếp nhận, công chứng các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 với các ngân hàng, quỹ tín dụng, được thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật về công chứng. Khi công chứng, không phát hiện việc bị cáo T sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp vay vốn của các ngân hàng, quỹ tín dụng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo; hậu quả xảy ra, cũng như tội danh, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo nên đề nghị tuyên phạt: Bị cáo Hà Thanh T mức án từ 18 năm – 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 04 năm - 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là từ 22 năm - 25 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: **buộc bị cáo Hà Thanh T cùng với bà Trần Thị Mỹ D, Hà Thanh H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (vợ, con T) có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 5.471.600.000 đồng cho các ngân hàng và quỹ tín dụng.**

Ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại Trần Thanh T2 về việc không yêu cầu bị cáo Hà Thanh T phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Về vật chứng: xử lý theo quy định của pháp luật.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng đối với bị cáo, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cần tiền kinh doanh nhưng không may bị thua lỗ, không còn khả năng thanh toán; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã bán hết tài sản nhằm khắc phục hậu quả cho các ngân hàng; gia đình bị cáo có ông bà ngoại tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương kháng chiến; hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi do sự tắc trách không làm tròn nhiệm vụ của các cán bộ tín dụng ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng chống tội phạm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; nguyên đơn dân sự, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ năm 2015 - 2016, khi Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung 2009 đang có hiệu lực pháp luật nhưng khi xét xử sơ thẩm thì Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật vào ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 so với Bộ luật hình sự năm 2015 thì mức hình phạt của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là bằng nhau; còn mức hình phạt của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn. Do vậy, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc hướng dẫn áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn có căn cứ.

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhận thấy còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ cũng như có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên vào ngày **28/8/2018** đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để điều tra bổ sung làm rõ các vấn đề như sau: vai trò giúp sức của Trần Thị Mỹ D (vợ bị cáo T), Hà Châu H3 (con trai của bị cáo T), Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (con gái và con rể của bị cáo T) đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thanh T; vai trò, trách nhiệm của các cán bộ tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Long Xuyên – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng, Ngân hàng N – Chi nhánh Châu Đốc, Ngân hàng A – Chi nhánh Tri Tôn, Quỹ tín dụng Mỹ H – Phòng giao dịch Vĩnh Bình đối với hồ sơ vay của bị cáo T cùng vợ, con ruột và con rể của bị cáo T; vai trò, trách nhiệm của các công chứng viên trong việc công chứng các hồ sơ, hợp đồng thế chấp tài sản của bị cáo T cùng vợ, con ruột và con rể của bị cáo T. Tuy nhiên, kết quả điều tra bổ sung vẫn không thay đổi nội dung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 mục II Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử chỉ xét xử những gì mà Viện kiểm sát truy tố, còn những

vấn đề chưa được làm rõ sẽ tiếp tục kiến nghị đến Cơ quan điều tra xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Trong vụ án này còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án:

[3] Trong quá trình điều tra, bị cáo chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội đó là đã trực tiếp sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay vốn của ngân hàng, quỹ tín dụng và cá nhân; còn hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức thì bị cáo không thừa nhận và cho rằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có được là do thuê Trần Văn H5 (ngụ ấp An Nhơn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) làm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận mặc dù biết rất rõ các giấy tờ đều là giả nhưng vẫn cố ý sử dụng 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả do thuê Trần Văn H5 làm (bao gồm các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm) để thực hiện hành vi trái pháp luật đó là đến các ngân hàng, quỹ tín dụng và cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang thế chấp vay tiền sau đó chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo còn phù hợp với kết luận giám định số 353/KLGT-PC54 ngày 22/9/2016, số 219/KLGT-PC54 ngày 23/6/2017, số 332/KLGT-PC54 ngày 28/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang; phù hợp với kết luận giám định số 99/KLGT-PC54 ngày 31/3/2017, số 283/KLGT-PC54 ngày 25/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang; phù hợp với kết luận giám định số 296/KLGT-PC54 ngày 25/7/2017, số 298/KLGT-PC54 ngày 01/8/2017, số 299/KLGT-PC54 ngày 11/8/2017, số 297/KLGT-PC54 ngày 04/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đầy đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2015 đến tháng 8/2016, bị cáo Hà Thanh T đã thực hiện hành vi làm giả 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền, chiếm đoạt của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Long Xuyên – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng 2.139.600.000 đồng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Châu Đốc 1.982.000.000 đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tri Tôn 650.000.000 đồng; Quỹ tín dụng Mỹ H - Phòng giao dịch Vĩnh

Bình 600.000.000 đồng và ông Trần Thanh T2 100.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt 5.471.600.000 đồng.

Việc bị cáo khai nại do thuê Trần Văn H5 làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá trọn gói 50.000.000 đồng/hồ sơ vay và H5 làm các thủ tục công chứng và đăng ký hợp đồng thế chấp sau đó giao lại cho bị cáo. Tuy nhiên, H5 không thừa nhận và qua kết quả giám định cho thấy phôi giấy giả của T khác với phôi giấy giả của H5 làm. Do đó, ngoài lời khai của bị cáo ra thì không có chứng cứ hay cơ sở nào khác chứng minh H5 là người giúp sức cho bị cáo làm giả chữ ký, con dấu và trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở quy kết trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn H5 và bị cáo Hà Thanh T phải hoàn toàn chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Mặt khác, thực tế đã chứng minh bị cáo đã trực tiếp sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước (16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả) thực hiện hành vi trái pháp luật đã đủ dấu hiệu của tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Vì vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Hà Thanh T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tội phạm được quy định và trừng phạt tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với:

- Hành vi của Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 mặc dù trên thực tế không có tài sản là những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng vẫn giúp T ký thủ tục vay tiền, công chứng hợp đồng và nhận tiền vay tại các ngân hàng, quỹ tín dụng là có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo T và có hành vi vi phạm pháp luật, bỏ lọt tội phạm nên Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang làm rõ vai trò giúp sức của bà Trần Thị Mỹ D (vợ bị cáo T), Hà Châu H3 (con trai của bị cáo T), Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (con gái và con rể của bị cáo T) đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thanh T;

- Các cán bộ ngân hàng, quỹ tín dụng như Trần Văn L, Trịnh Quang Phi S, Nguyễn Viết T6, Nguyễn Hồng Trọng Hiếu, Hà Phước L, Huỳnh Quốc T7 và Võ Dương Vũ Ng là những người đã tiếp nhận, lập và thẩm định các hồ sơ vay của Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D, Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th, Hà Châu H3. Các cán bộ tín dụng này không thực hiện việc thẩm định, không xác minh nguồn gốc tài sản, có dấu hiệu sai phạm trong các quy định cho vay tín dụng đã tạo điều kiện để bị cáo Hà Thanh T chiếm đoạt tiền của các ngân hàng, quỹ tín dụng là có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang làm rõ vai trò, trách nhiệm của các cán bộ tín dụng trên đối với hồ sơ vay của bị cáo T cùng vợ, con ruột và con rể của bị cáo T;

- Các công chứng viên Nguyễn Công Tr, Cao Thị Hồng C , Nguyễn Thị Việt H, Huỳnh Thị Nào và Bùi Xuân Q khi tiếp nhận công chứng các hợp đồng thế chấp của Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 là có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang làm rõ vai trò, trách nhiệm của các công chứng viên trong việc công chứng hồ sơ, hợp đồng thế chấp tài sản của bị cáo T cùng vợ, con ruột và con rể của bị cáo T;

- Trần Văn H5 có hành vi làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm các thủ tục công chứng, đăng ký hợp đồng thế chấp sau đó giao lại cho bị cáo Hà Thanh T đến các tổ chức tín dụng thực hiện việc thế chấp vay tiền và chiếm đoạt tài sản. Hành vi của Trần Văn H5 đã giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi trái pháp luật nên cũng cần phải kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục làm rõ vai trò, trách nhiệm của H5;

- Việc Hà Thanh T giúp Đường Văn Dể vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Long Xuyên – Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng 420.000.000 đồng. Trong đó, Dể thỏa thuận nhận tiền vay 180.000.000 đồng, bị cáo nhận 240.000.000 đồng. Hàng tháng T và Dể trả vốn, lãi theo số tiền từng người nhận nên đây là quan hệ giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự.

[4] Xét về tính chất vụ án thì thấy:

Bị cáo đứng trước tòa hôm nay là người đã bước vào tuổi trung niên, có đầy đủ khả năng nhận thức được việc nào đúng, việc nào sai, nên làm và không nên làm. Lẽ ra, là một người chồng, người cha trong gia đình bị cáo phải làm gương cho các con bằng cách cố gắng lao động chân chính, tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, gia đình và làm một công dân tốt, có ích cho xã hội. Trái lại, không làm được việc tốt, với bản chất lười lao động, muốn có nhiều tiền sử dụng mà không phải lao động vất vả nên từ năm 2015 – 2016, bị cáo đã thuê người làm giả 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trang bổ sung 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung “Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Tri Tôn”, các lời chứng giả của công chứng viên Đỗ Kiến Trúc, giả xác nhận trong các Đơn đăng ký thế chấp và làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 67B-009.20. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả bị cáo đã liên hệ và lợi dụng sự tin tưởng, thiếu kiểm tra của các cán bộ tín dụng ngân hàng, bị hại để dùng thủ đoạn gian dối để trực tiếp sử dụng các giấy tờ giả trên làm 09 hồ sơ vay tiền tại các ngân hàng, quỹ tín dụng, cụ thể:

Đối với Ngân hàng N – Chi nhánh Châu Đốc, tỉnh An Giang, bị cáo Hà Thanh T đã sử dụng 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm 02 hồ sơ vay mang tên Hà Châu H3 (con T), Hà Thanh T và Trần Thị Mỹ D với tổng số tiền vay 2.000.000.000 đồng, hiện bị cáo đã trả vốn của 02 hồ sơ vay là 18.000.000 đồng và chiếm đoạt 1.982.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Long Xuyên - Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng, bị cáo thực hiện thế chấp 04 hồ sơ vay với 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên lần lượt Hồ Hoàng T5, Hà Thị Diễm Th (02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả), Hà Thanh T, Trần Thị Mỹ D (03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) và Hà Châu H3 (01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) với tổng số tiền chiếm đoạt 2.139.600.000 đồng.

Đối với Ngân hàng A – Chi nhánh Tri Tôn, tỉnh An Giang, bị cáo T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp 02 hồ sơ vay mang tên Hà Thị Diễm Th, Hồ Hoàng T5 (con gái và con rể T) và chiếm đoạt 650.000.000 đồng.

Với Quỹ tín dụng Mỹ H – Phòng giao dịch Vĩnh Bình, bị cáo sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 để thế chấp vay, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 01/2016, bị cáo còn sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả biển số 67B - 009.20 mang tên Hà Thị Diễm Th thế chấp vay của Trần Thanh T2 số tiền 250.000.000 đồng, đã trả vốn 150.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 26/02/2015 đến ngày 11/8/2016, Hà Thanh T đã 11 lần thực hiện hành vi gian dối vay tiền của các Ngân hàng, Quỹ tín dụng và Trần Thanh T2 tổng cộng 8.800.000.000 đồng, đã trả vốn 3.328.400.000 đồng, còn chiếm đoạt 5.471.600.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, con dấu mà còn chiếm đoạt tài sản của các ngân hàng, quỹ tín dụng và cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang một cách trái pháp luật và trong thời gian dài. Trong vụ án này, cùng lúc bị cáo phạm hai tội danh độc lập đó là “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với các tình tiết tăng nặng định khung đó là “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng”, “làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”, “sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” tội phạm được quy định và trừng phạt tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, do đó cần phải có một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Song: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cần tiền kinh doanh nhưng không may bị thua lỗ, không còn khả năng thanh toán; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã bán hết tài sản nhằm khắc phục hậu quả cho các ngân hàng; gia đình bị cáo có ông bà ngoại tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương kháng chiến; hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi do sự tắc trách không làm tròn nhiệm vụ của các cán bộ tín dụng ngân hàng nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt trong quá trình nghị án.

Qua vụ án này là bài học kinh nghiệm, là tiếng chuông cảnh tỉnh đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh An Giang nói riêng, cũng như các địa phương khác trong cả nước nói chung cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với công tác tổ chức, quản lý và điều hành nhân sự của mình được tốt hơn. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động, quy định của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động cấp tín dụng, hạn chế thấp nhất rủi ro; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật lĩnh vực tín dụng để tránh tình trạng quy định chưa rõ ràng hoặc quy định lỗi thời, không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động; củng cố, kiện toàn và nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi công dân, tự giác chấp hành pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc vi phạm; đồng thời tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự là Ngân hàng Đầu tư và phát triển (BIDV), Ngân hàng N, Ngân hàng A, Quỹ tín dụng Mỹ H yêu cầu bị cáo Hà Thanh T cùng với Trần Thị Mỹ D, Hà Thanh H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Trong quá trình điều tra, bị hại ông Trần Thanh T2 cho biết: ngày 25/10/2017, đã được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng từ ông Lê Văn Thành là người giới thiệu Hà Thanh T cho ông. Nay ông không yêu cầu bị cáo Hà Thanh T phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Xét thấy, yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn dân sự là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong vụ án này, đã chứng minh được Trần Thị Mỹ D, Hà Thanh H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (vợ, con của bị cáo T) đã trực tiếp tham gia ký nhận vào hồ sơ vay thế chấp của các ngân hàng, quỹ tín dụng và nhận tiền vay đưa lại cho bị cáo nên phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Hà Thanh T hoàn trả số tiền chiếm đoạt trên các hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó:

Đối với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Long Xuyên - Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng, bị chiếm đoạt 2.139.600.000 đồng. Trong đó:

+ Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 ký 01 hợp đồng tín dụng để T chiếm đoạt 799.600.000 đồng. Buộc bị cáo Hà Thanh T liên đới cùng với Th và T5 bồi thường 799.600.000 đồng;

+ Hà Thanh T và Trần Thị Mỹ D ký 02 hợp đồng tín dụng, T chiếm đoạt 1.090.000.000 đồng. Buộc T và D liên đới bồi thường 1.090.000.000 đồng;

+ Hà Châu H3 ký 01 hợp đồng tín dụng, T chiếm đoạt 250.000.000 đồng. Buộc T và H3 liên đới bồi thường 250.000.000 đồng.

Đối với Ngân hàng N - Chi nhánh Châu Đốc bị chiếm đoạt 1.982.000.000 đồng. Trong đó:

+ Hà Châu H3 ký 01 hợp đồng tín dụng, T chiếm đoạt 991.000.000 đồng. Buộc T và H3 liên đới bồi thường 991.000.000 đồng;

+ Hà Thanh T và Trần Thị Mỹ D ký 01 hợp đồng tín dụng, T chiếm đoạt 991.000.000 đồng. Buộc T và D liên đới bồi thường 991.000.000 đồng.

Đối với Ngân hàng A – Chi nhánh Tri Tôn, tỉnh An Giang bị chiếm đoạt 650.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng do Hồ Hoàng T5 và Hà Thị Diễm Th ký. Buộc T, Th và T5 liên đới bồi thường 650.000.000 đồng.

Quỹ tín dụng Mỹ H – Phòng giao dịch Vĩnh Bình, bị chiếm đoạt 600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng do Hồ Hoàng T5 và Hà Thị Diễm Th ký. Buộc T, Th và T5 liên đới bồi thường 600.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trần Thanh T2 về việc không yêu cầu bị cáo Hà Thanh T phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ được nhiều vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo những giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo;

- Tạm quản lý 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

[8] Về phần án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét thấy, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo Hà Thanh T khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thanh T 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 05/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 116; Điều 117; Điều 385; Điều 463; Điều 584, Điều 585; Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T liên đới cùng với Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 bồi thường cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền 799.600.000 đồng (bảy trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng);

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T và Trần Thị Mỹ D liên đới bồi thường cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng);

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T và Hà Châu H3 liên đới bồi thường cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T và Hà Châu H3 liên đới bồi thường cho Ngân hàng N số tiền 991.000.000 đồng (chín trăm chín mươi một triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T và Trần Thị Mỹ D liên đới bồi thường cho Ngân hàng N số tiền 991.000.000 đồng (chín trăm chín mươi một triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Hà Thanh T, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 liên đới bồi thường cho Ngân hàng A số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

+ Buộc Hà Thanh T, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 liên đới bồi thường cho Quỹ tín dụng Mỹ H số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trần Thanh T2 về việc không yêu cầu bị cáo Hà Thanh T phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*** Phân kiến nghị:**

- Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục làm rõ vai trò giúp sức của bà Trần Thị Mỹ D, Hà Châu H3, Hà Thị Diễm Th và Hồ Hoàng T5 (vợ và con của T) đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thanh T;

- Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục làm rõ vai trò giúp sức của Trần Văn H5 trong việc làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm các thủ tục công chứng, đăng ký hợp đồng thế chấp tài sản để T chiếm đoạt tài sản của các ngân hàng, quỹ tín dụng;

- Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục làm rõ vai trò, trách nhiệm của các cán bộ ngân hàng, quỹ tín dụng như Trần Văn L, Trịnh Quang Phi S, Nguyễn Viết T6, Nguyễn H3 Trọng Hiếu, Hà Phước L, Huỳnh Quốc T7 và Võ Dương Vũ Ng đối với hồ sơ vay của bị cáo Hà Thanh T cùng với vợ, con ruột và con rể của bị cáo T;

- Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục làm rõ vai trò, trách nhiệm của các công chứng viên Nguyễn Công Tr, Cao Thị Hồng C, Nguyễn Thị Việt H, Huỳnh Thị Nào và Bùi Xuân Q trong việc công chứng hồ sơ, hợp đồng thế chấp tài sản của bị cáo Hà Thanh T cùng vợ, con ruột và con rể của bị cáo T.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

* Tuyên bố tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng gồm:

- 15 (mười lăm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm:

1. Giấy CNQSDĐ số BX 779469 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 18/8/2015 tại thửa đất số 26, tờ bản đồ 19, diện tích 30.117m²;

2. Giấy CNQSDĐ số BO 425567 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 11/8/2015 tại thửa đất số 22, tờ bản đồ 8, diện tích 27.318m²;

3. Giấy CNQSDĐ số BO 425643 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2015 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ 64, diện tích 30.032m²;

4. Giấy CNQSDĐ số BX 425642 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2015 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 63, diện tích 27.011m²;

5. Giấy CNQSDĐ số BO 275771 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2013 tại thửa đất số 26, tờ bản đồ 52, diện tích 27.138 m²;

6. Giấy CNQSDĐ số BR 362691 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 24/3/2016 tại thửa đất số 117, tờ bản đồ 14, diện tích 85.0 m²;

7. Giấy CNQSDĐ số BO 540862 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 11/12/2013 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ 40, diện tích 25.436 m²;

8. Giấy CNQSDĐ số BX 024128 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 25/6/2014 tại thửa đất số 178, tờ bản đồ 4, diện tích 27.298 m²;

9. Giấy CNQSDĐ số BX 265796 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 19/6/2014 tại thửa đất số 42, tờ bản đồ 27, diện tích 28.336 m²;

10. Giấy CNQSDĐ số BX 285963 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/02/2013 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ 33, diện tích 29.713m²;

11. Giấy CNQSDĐ số BX 722877 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 18/7/2014 tại thửa đất số 26, tờ bản đồ 19, diện tích 29878,3m²;

12. Giấy CNQSDĐ số BX 729690 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 06/5/2014 tại thửa đất số 34, tờ bản đồ 25, diện tích 26.123m²;

13. Giấy CNQSDĐ số BO 725632 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 04/9/2014 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 63, diện tích 27.011m²;

14. Giấy CNQSDĐ số BO 725633 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 04/9/2014 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ 64, diện tích 30.032m²;

(Kèm theo 14 trang bổ sung giấy chứng nhận)

15. Giấy CNQSDĐ số BX 729690 ghi UBND huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cấp ngày 26/3/2014 tại thửa đất số 443, tờ bản đồ 5, diện tích 28.771m²;

- 01 (một) con dấu tròn giả khắc UBND xã Tà Đanh, huyện Tri Tôn, An Giang;

- 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số 006660 ngày 04/12/2015, biển số 67B-009.20 qua kết quả giám định là giả;

- giấy chứng nhận kiểm định số 5097012 cấp ngày 31/10/2015;

* Trả lại cho bị cáo Hà Thanh T những giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 (một) CMND số 352557558 cấp ngày 20/02/2017 mang tên Hà Thanh T;

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52H8000796, tên hộ kinh doanh Dịch vụ cho thuê xe du lịch T Nhung;

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52H8000796 tên hộ kinh doanh Dịch vụ cho thuê xe du lịch T Nhung.

* Tiếp tục tạm quản lý để bảo đảm thi hành án dân sự:

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung màu trắng đã qua sử dụng, model SM-J100H/DS Samsung; Yateley, IMEL: 354467/07/292447/8; IMEL: 354468/07/292447/6 (đã qua sử dụng);

(Tất cả các vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Thanh T.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, các nguyên đơn dân sự, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- Viện kiểm sát tỉnh AG (2);
- Trại tạm giam tỉnh AG (1);
- Cục THADS tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng CSĐT (1);
- Bị cáo (1)
- Tòa hình sự (5)
- Văn phòng (2)
- Phòng GDKT (1)
- PV 27
- Đương sự (.....)

Lý Ngọc Sơn

